

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-ST  
Ngày 07-01-2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Công Lý

Bà Quách Thị Hải Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Chí H; địa chỉ nơi cư trú: Ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lâm Út C; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ hiện trú: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Út B; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ hiện trú: Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-4-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Chí H trình bày vào ngày 10-12-2020 dương lịch, ông Lâm Út C có vay của ông số tiền 80.000.000 đồng, vay không thỏa thuận lãi suất và ông C hứa 15 ngày sau sẽ trả tiền, việc vay có làm Giấy mượn tiền đề ngày 10-12-2020 do ông C tự tay viết và ký tên vào. Đến ngày 05-01-2021 dương lịch, ông đến nhà ông C đòi tiền nhưng ông C chỉ trả ông 25.000.000

đồng, việc trả này có ghi vào mặt sau của Giấy mượn tiền ngày 10-12-2020. Còn lại số tiền 55.000.000 đồng ông nhiều lần gọi điện thoại cho ông C để đòi nhưng ông C không nghe máy, ông nhiều lần đến nhà ông C đòi tiền nhưng chỉ gặp vợ ông C là bà Nguyễn Út B nói là ông C không có ở nhà. Do đó, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C trả cho ông số tiền vốn còn nợ là 55.000.000 đồng và trả lãi do chậm trả tính từ ngày 05-01-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai 09-6-2021, ông Nguyễn Chí H trình bày yêu cầu bà Nguyễn Út B là vợ của ông Lâm Út C cùng có nghĩa vụ trả số tiền nợ trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-12-2021, ông Nguyễn Chí H xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông Lâm Út C có nghĩa vụ trả tiền nợ và lãi phát sinh theo Giấy mượn tiền đề ngày 10-12-2020, không yêu cầu đối với bà Nguyễn Út B.

Bị đơn ông Lâm Út C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Út B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa chưa chấp hành theo triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông C về việc trả số tiền nợ vốn 55.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tính từ ngày 05-01-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của ông H là tranh chấp dân sự về “*hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; bị đơn ông C hiện trú Ấp H, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa, ông H vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông C và bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-12-2021, ông H xác định không yêu cầu đối với bà Nguyễn Út B (vợ ông Lâm Út C) là tự nguyện không vượt quá

phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc ông C trả tiền nợ vốn 55.000.000 đồng và tiền lãi do chậm trả từ ngày 05-01-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng. Ông H cung cấp cho Tòa án Giấy mượn tiền đề ngày 10-12-2020. Qua kiểm tra Giấy mượn tiền trên có nội dung: *“tôi tên Lâm Út C tôi có mượn ông Nguyễn Chí H với số tiền tổng cộng là 80.000.000 đồng (tám chục triệu) tôi hứa 15 ngày tôi hoàn trả số tiền cho ông H, nếu tôi không có trả tôi hoàn toàn chịu trước pháp luật. Ngày 10/12-2020 DL. Chính (365673698). Lâm Út C”*. Mặt sau có nội dung: *“Hôm nay ngày 5-01-2021 DL tôi có trả trước cho Chí H số tiền (25.000.000đ) (Hai mươi lăm triệu)”* (bút lục số 21). Theo đơn của ông H về việc yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự, Tòa án đã gửi bản sao tài liệu, chứng cứ do ông H cung cấp (gồm Đơn khởi kiện, Giấy mượn tiền đề ngày 10/12-2020) cho ông C và trong quá trình giải quyết vụ án, ông C đã được Tòa án tổng đạt giao trực tiếp văn bản tố tụng thông báo về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông H đối với ông nhưng ông vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gửi đến Tòa án thì được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, ông H yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 55.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của ông H về tiền lãi đối với tiền vốn chậm trả từ ngày 05-01-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng là 5.584.500 đồng (55.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 02 ngày) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[6] Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều

273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí H, buộc ông Lâm Út C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Chí H số tiền tổng cộng 60.584.500 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu, năm trăm tám mươi tư nghìn, năm trăm đồng), trong đó tiền vốn vay 55.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 5.584.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Lâm Út C phải chịu số tiền 3.029.200 đồng.

- Ông Nguyễn Chí H không phải chịu, hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.415.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008374 ngày 10-05-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Nhẫn**